

Biểu mẫu 10

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT Ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG THCS LAM SƠN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2006	432	556	530	488
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		426 98,61	547 98,38	505 95,28	481 98,57
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		06 1,39	08 1,34	21 3,96	06 1,23
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		0	01 0,18	04 0,75	01 0,2
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	2006	432	556	530	488
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		283 65,51	338 60,79	258 48,68	268 54,92
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		108 25	182 32,73	166 31,32	144 29,51
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		37 8,56	36 6,47	90 16,98	76 15,57
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		04 0,93	0	11 2,08	0



5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	05 0,94	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	2006	432	556	530	488
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)		428 99,07	556 100	522 98,49	488 100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		131 30,32	338 60,79	258 48,68	268 54,92
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)		152 35,19	182 32,73	166 31,32	144 29,51
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)		04 0,75	00	11 2,07	00
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)		04 0,9	00	08 1,5	00
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)		1/3 0,23/0,69	02/10 0,35/1,79	02/09 0,37/1,7	00/03 00/0,61
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)		02 0,37	04 0,71	04 0,75	01 0,2
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					39
2	Cấp tỉnh/thành phố					19
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					



VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					488
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					268 54,92
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					144 29,51
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					76 15,57
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ		237/195	298/258	290/240	239/249
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số		40	63	50	44

Quận 6, ngày 25 tháng 6 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Trần Đặng Trung Hiếu

HỒ CHÍ MINH